

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 397/2024/HC-PT

Ngày: 15-5-2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
hành vi hành chính trong lĩnh vực giải
phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Trần Văn Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 979/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2023, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính hành vi hành chính trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1464/2023/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 873/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960. Địa chỉ: D B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H: ông Phan Văn M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H: Ông Nguyễn Tấn T - Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: C T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trương Tấn S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Tấn T - Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: C T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trương Tấn S - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Tấn T - Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Việt Q, sinh năm 1953.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: D B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, nội dung vụ án như sau:*

Năm 1982, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị, Sư đoàn 370 cấp nhà, đất cho gia đình bà C ở và sử dụng tại số D B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích khuôn viên 160m² (theo Quyết định số 144/QĐ ngày 10/4/1982). Diện tích đo đạc thực tế là 181,20m². Sau khi được cấp, gia đình bà C xin phép đơn vị cho xây dựng phần trước nhà để sinh hoạt.

Năm 1991, theo chủ trương của Sư đoàn C2, gia đình bà Chiêu hóa g nhà với diện tích khuôn viên là 134m². Diện tích đo đạc thực tế 181,20m². Phần lộ giới dự kiến, Sư đoàn 370 giao cho các gia đình sử dụng, gia đình bà C cũng sử dụng từ đó đến nay.

Ngày 20/12/1992, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho bà C số 325/HGN, với diện tích khuôn viên là 134m². Diện tích đo đạc thực tế 181,20m².

Ngày 20/4/2005, Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà C và ông Bùi Việt Q, số AB 536465, với diện tích là 134m².

Ngày 31/12/2009, Sư đoàn C2 xác nhận phần đất 47,20m² nằm ngoài quyền sử dụng đất. Sư đoàn 370 cho gia đình bà C sử dụng và gia đình bà C sử dụng ổn định từ đó đến nay. Gia đình bà C không tự lấn chiếm, không có tranh chấp và Sư đoàn C2 không thu hồi.

Như vậy, nhà đất của gia đình bà C có nguồn gốc do quân đội cấp, sử dụng từ năm 1982 (trước khi có lộ giới dự kiến đường B), ổn định, không có tranh chấp, không tự lấn chiếm, đã được cấp giấy chứng nhận và phần diện tích ngoài chủ quyền đơn vị không thu hồi.

Ngày 29/01/2008, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án tuyến đường T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T, quyết định thu hồi 34,98m² đất tại số D B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/10/2009, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, số tiền 485.444.040 đồng, bà C khiếu nại quyết định này.

Ngày 08/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 248/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung 1156/QĐ-UBND, nâng số tiền bồi thường thành 692.656.440 đồng, bà C khiếu nại quyết định này.

Ngày 18/8/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 1156/QĐ-UBND và Quyết định 248/QĐ-UBND. Bà C1 tiếp tục khiếu nại quyết định này.

Ngày 06/9/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, tiếp tục bác khiếu nại của bà C.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà C nêu trên, khi thu hồi đất phải tính đơn giá 100% giá trị bồi thường cho toàn bộ phần diện tích thu hồi, vì nhà đất của bà C phù hợp các quy định pháp luật: khoản 2 Điều 47 Nghị định 84 ngày 25/5/2007; khoản 1 Điều 8 Nghị định 197 ngày 03/12/2004; điểm h khoản 4 Điều 6, khoản 1 Điều 8, Điều 9 Quyết định 17 ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Khi thu hồi 34,98m² đất của gia đình bà C để thực hiện Dự án tuyến đường T - B – Vành đai ngoài (sau đây gọi tắt là Dự án), Ủy ban nhân dân quận T áp dụng không đúng các quy định pháp luật khi thực hiện bồi thường, gây ảnh hưởng

ng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà C, nên bà C khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận T về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường N - B – Vành đai ngoài trên địa bàn Phường B, quận T;

- Hủy Quyết định 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận T về việc sửa đổi Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận T;

- Hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C;

- Hủy Công văn số 2000/UBND – DA ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận T về việc tổng hợp thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với căn nhà số D B, Phường B, quận T thuộc dự án xây dựng đường T - B – Vành đai ngoài;

- Hủy Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận T về hỗ trợ thêm trong dự án xây dựng tuyến đường nối T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn Phường B, quận T;

- Hủy Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C.

- Bà Nguyễn Thị C yêu cầu Ủy ban nhân dân quận T bồi thường phần đất 37,98m² đã thu hồi theo cách tính như 47 hộ quận G là: bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản số 2618/UBND-NCPC ngày 29/7/2022 trình bày:*

1. Căn nhà số D đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C là chủ sở hữu, được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00110/26965 ngày 20/4/2005, với diện tích đất 134m², thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12 (BĐĐC) Phường B, quận T.

Thực hiện Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất tại các quận T, G, B, T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư xây dựng Dự án tuyến đường T - B – Vành đai ngoài.

Ngày 29/01/2008 Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND thu hồi 34,98m² đất thuộc một phần thửa số 35, tờ bản đồ số 12 (BĐĐC

2005) Phường B, Quận T do ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C là chủ sử dụng tại địa chỉ trên.

Căn cứ Phương án 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi phần đất diện tích 34,98m² của ông Q, bà C, với số tiền là 485.444.040 đồng (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 401/HĐBT ngày 28/9/2009 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án).

Ngày 08/02/2010, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND sửa đổi Điều 1 Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2019, theo đó tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ thay đổi là 692.656.440 đồng (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:

+ Đất được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00110/26965 ngày 20/4/2005: 3,78m² x 32.200.000 đồng/m² = 121.716.000 đồng.

+ Đất được bán hóa giá và công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận H00110/26965 ngày 20/4/2005: 9m² x 32.200.000 đồng/m² = 289.800.000 đồng..

+ Đất chiếm sử dụng từ năm 1992: 22,20m² x 32.200.000 đồng/m² x 0,3 = 214.452.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình: 57.991.100 đồng.

- Hỗ trợ khác: 4.424.940 đồng.

- Khen thưởng: 2.500.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận T, bà C khiếu nại.

Ngày 04/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của bà C, giữ nguyên nội dung Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010.

Không đồng ý, bà C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngày 06/9/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND công nhận Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

2. Cơ sở pháp lý để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 06/9/2014:

- Về nguồn gốc nhà, đất số D đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn nhà này do ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C là chủ sở hữu có nguồn gốc được Sư đoàn 370 cấp cho ông Q, theo Quyết định cấp số nhà 144/QĐ ngày 10/4/1982, theo đó ghi nhận diện tích 160m², diện tích sử dụng chính 36m², diện tích sử dụng phụ 30m² (Quyết định cấp nhà không có bản vẽ kèm theo).

Ngày 08/12/1992, Hội đồng hóa giá nhà Sư đoàn 370 lập Hợp đồng số 1003/HGN bán hóa giá căn nhà số D đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Q, bà C, với diện tích khuôn viên 134m², diện tích xây dựng 36m², diện tích sử dụng 32m² theo bản vẽ do Hội đồng hóa giá nhà Sư đoàn 370 lập ngày 18/12/1991.

Ngày 10/12/1992, Sở nhà đất cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 325/HGN công nhận diện tích khuôn viên 134m², diện tích xây dựng 36m², diện tích sử dụng 32m².

Ngày 06/8/1999, ông Q có Tờ đăng ký nhà đất gửi Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, theo đó ông Q kê khai diện tích khuôn viên là 134m².

Ngày 20/4/2005, Ủy ban nhân dân quận T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00110/26965 với diện tích đất là 134m² thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 12 (BĐDC) Phường B, quận T cho ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C.

- Về diện tích đất thu hồi:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 12/01/2010 của Tổ công tác, gồm đại diện Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp cùng Phòng tài nguyên và môi trường, Phòng quản lý đô thị, Ủy ban nhân dân Phường B, quận T và ý kiến của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án tại Biên bản họp Hội đồng ngày 13/01/2010, Ủy ban nhân dân Phường B có Phiếu xác nhận pháp lý về nhà, đất 49 B, trong đó:

Diện tích 12,78m² được mua hóa giá nhà năm 1992 (trong đó Giấy chứng nhận năm 2005 mới công nhận 3,78m²).

Diện tích 22,20m² không mua hóa giá không được công nhận trong Giấy chứng nhận năm 2005.

- Về đơn giá chính sách bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ công văn số 598/UBND-ĐTMT ngày 24/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thẩm định đơn giá bồi thường trong Dự án, ngày 14/7/2009 Ủy ban nhân dân quận T có Quyết định số 646/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án, theo đó đơn giá để tính bồi thường đất mặt tiền đường B là 32.200.000 đồng/m².

Ngày 29/12/2010, Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố có Biên bản họp số 339/HĐTĐBT-KTĐ liên quan đến vướng mắc trong việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án và cải tạo đường Nhật Bản trên địa bàn quận T: "...Đối với phần diện tích Nhà nước không bán hóa giá (nằm trong lộ giới dự kiến không bán) thực hiện theo Công văn số 6818/UBND-ĐTMT ngày 29/12/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố."

Tại Biên bản làm việc ngày 31/12/2013 với Thanh tra Thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T cho biết: đối với phần đất diện tích 22,20m² được Ủy ban nhân dân Phường B, quận T xác định là đất có nguồn gốc bà C tự chiếm dụng từ năm 1992, không được mua hóa giá nhà, không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 325/HGN ngày 10/12/1992 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00110/26965 ngày 20/4/2005, nên Hội đồng bồi thường Dự án đã căn cứ Phương án 165/PA ngày 29/4/2009, Công văn số 6818/UBND-ĐTMT ngày 29/12/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Biên bản họp số 339/HĐTĐBT-KTĐ ngày 06/6/2013 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố để làm căn cứ xét tính hỗ trợ 30% đơn giá bồi thường đất ở.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác đơn kiện của bà Nguyễn Thị C.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận T và Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 1799/UBND-ĐT ngày 23/8/2022 trình bày:*

Ngày 19/7/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3585/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch phương án tuyến dự án xây dựng đường T - B - Vành đai ngoài (sau đây gọi tắt là: Dự án).

Ngày 14/7/2009, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án trên địa bàn Phường B, quận T.

Ngày 30/01/2011, Thanh tra Chính phủ ban hành Kết luận thanh tra số 158/KL-TTTP về việc xác minh làm rõ nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Dự án, trong đó, T1 đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: "Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố H tiếp tục triển khai Dự án đường T - B - Vành đai ngoài theo hướng giữ nguyên quy hoạch phương án tuyến theo Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 19/7/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố H".

Ngày 23/3/2011, Văn phòng C3 ban hành văn bản số 1753/VPCP-KNTN về việc xử lý sau thanh tra việc phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Dự án; theo đó, Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân P và Phó Thủ tướng Hoàng Trung H đã kết luận: "Ủy ban nhân dân Thành phố H chỉ đạo tiếp tục thực hiện Dự án đường T - B - Vành đai ngoài theo hợp đồng BT đã ký, không phải phê duyệt lại Dự án".

Ngày 10/4/2012, Văn phòng C3 ban hành Thông báo số 133/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân P tại cuộc họp xử lý sau

thanh tra Dự án. Trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố H tiếp tục thực hiện dự án theo hợp đồng BT đã ký, không phải phê duyệt lại dự án.

- Về thu hồi đất:

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất tại các Quận T, G, B và T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng Dự án.

Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 29/01/2008 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

- Về quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Phiếu xác lập số 83A/XN-UBND ngày 06/6/2008 của Ủy ban nhân dân Phường B:

Căn nhà số D đường B, Phường B, quận T (sau đây gọi tắt là Căn nhà số D), do ông Bùi Việt Q và bà Nguyễn Thị C sử dụng với diện tích khuôn viên theo đo đạc thực tế là 181,20m², có nguồn gốc do Sư đoàn C2 cấp năm 1982, hóa giá năm 1992, gồm có:

Phần diện tích 134m² đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00110/26965 ngày 20/4/2005.

Phần diện tích đất 16m² ở phía sau không thuộc khuôn viên căn nhà, không công nhận thuộc hành lang bảo vệ môi trường Nhật Bản.

Phần diện tích 181,20m² – (16m² + 134m²) = 31,20m² thuộc phạm vi lộ giới đường B được ghi nhận nhưng không công nhận, có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý, dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992 đến nay. Hiện nay không tranh chấp.

Diện tích thu hồi là 34,98m², trong đó:

Phần diện tích 3,78m² được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005.

Phần diện tích 31,20m² có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý, dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992 đến nay. Hiện nay không tranh chấp.

Ngày 05/10/2009, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất thực hiện Dự án (kèm bảng chiết tính số 401/HĐBT ngày 28/9/2009).

Diện tích đất thu hồi: 34,98m², gồm có:

Diện tích đất: 3,78m² được công nhận trong giấy chứng nhận, tính bồi thường 100%.

Diện tích đất: 31,20m² không được công nhận trong giấy chứng nhận có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý, dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992, được áp dụng theo khoản 7 Điều 7 Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, được tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất: 485.444.040 đồng.

Căn cứ vào biên bản xác định kết cấu, vị trí bán hóa giá ngày 12/01/2010 giữa các ban ngành gồm: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, Phòng quản lý đô thị, Phòng tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân Phường B đã được Hội đồng bồi thường của dự án chấp thuận.

Ngày 24/01/2010, Ủy ban nhân dân Phường B ban hành Phiếu xác nhận 83B/XN-UBND (thay thế xác nhận cũ):

Diện tích đất thu hồi 34,98m², trong đó:

Phần diện tích thuộc phạm vi lộ giới đường B được ghi nhận nhưng không được công nhận, có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992: (5,50m + 5,60m) x 0,5 x 4,00m = 22,20m².

Phần diện tích còn lại: 34,98m² – 22,20m² = 12,78m², bao gồm:

Phần diện tích đất 3,78m² được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005.

Phần diện tích đất 12,78m² – 3,78m² = 9m² không bán hóa giá và công nhận trong giấy chứng nhận năm 1992, nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005 (theo biên bản của tổ công tác về xác định kết cấu và vị trí bán hóa giá).

Ngày 08/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 2418/QĐ-UBND; Quyết định 1516/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT ngày 26/01/2010).

Diện tích đất thu hồi: 34,98m², gồm có:

Phần đất thuộc phạm vi lộ giới đường Bạch Đằng 2 được ghi nhận nhưng không được công nhận, có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992: (5,50m + 5,60m) x 0,5 x 4,00m = 22,20m².

Phần diện tích còn lại: 34,98m² – 22,20m² = 12,78m², bao gồm:

Phần diện tích đất 3,78m² được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005, tính bồi thường 100%.

Phần diện tích đất $12,78\text{m}^2 - 3,78\text{m}^2 = 9\text{m}^2$ không bán hóa giá và công nhận trong giấy chứng nhận năm 1992, nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005 (theo biên bản của tổ công tác về xác định kết cấu và vị trí bán hóa giá) tính bồi thường 100%.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất: 692.656.440 đồng.

Căn cứ kết luận thanh tra số 158/KL-TTCP ngày 30/11/2011 của Thanh tra Chính phủ: “căn cứ hồ sơ lưu tại Ủy ban nhân dân quận T cho thấy, mặc dù hồ sơ pháp lý của các hộ dân khác nhau, hộ được cấp nhà, hộ được cấp đất nhưng trên thực tế các hộ đều sử dụng đất cùng thời điểm, liên tục, có ranh giới rõ ràng và không tranh chấp. Vì vậy, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố H chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận T xem xét bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân để chấm dứt khiếu kiện”.

Trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận T, Thanh tra Thành phố và Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố xem xét lại một số kiến nghị của các hộ dân về đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện Dự án.

Ngày 19/01/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành văn bản số 43/UBND-ĐTMT-M về giải quyết một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án, trong đó, Ủy ban nhân dân Thành phố: chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố tại công văn số 07/HĐTĐBT-TTr-M ngày 06/01/2015 [tính hỗ trợ bằng bồi thường, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân quận T căn cứ Phương án bồi thường để xác định nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định (quy định về hạn mức đất ở)].

Do đây là chính sách hỗ trợ bằng bồi thường của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với phần diện tích không được giao đất, không thuộc phần diện tích khuôn viên đã mua hóa giá, không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Căn cứ Quyết định số 64/2001//QĐ-UB ngày ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, tại Điều 1 hạn mức các quận nội thành (trong đó quận T): không quá $160\text{m}^2/\text{hộ}$.

Ngày 02/11/2016, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích $22,20\text{m}^2$ không được công nhận trong giấy chứng nhận do ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992 (kèm bảng tính bồi thường số 184/HĐBT ngày 27/10/2016).

Diện tích đất $22,20\text{m}^2$:

Phần diện tích $21,20\text{m}^2$ thuộc phần diện tích đất ngoài hạn mức đất ở 160m^2 . Hỗ trợ bằng bồi thường theo đất vượt hạn mức đất ở, trừ tiền sử dụng đất vào thời điểm duyệt phương án bồi thường: $32.200.000$ đồng – $7.100.000$ đồng = $25.100.000$ đồng/ m^2 .

Phần diện tích 1m² thuộc phần diện tích đất trong hạn mức đất ở 32.200.000 đồng/m².

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất: 358.814.600 đồng.

Phần diện tích đất bị thu hồi 34,98m² đến nay được tính bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (phần diện tích nằm ngoài hạn mức giao đất ở được tính hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường có trừ nghĩa vụ tài chính) với tổng số tiền theo chính sách bồi thường, hỗ trợ là:

Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT ngày 26/01/2010: 358.814.600 đồng,

Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 194/HĐBT ngày 27/10/2016: 692.656.440 đồng.

Tổng cộng: 358.814.600 đồng + 692.656.440 đồng = 1.051.471.040 đồng.

Hiện nay ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T đã bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 2083/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Luật đất đai năm 2003;

Luật đất đai 2013;

Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16/6/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, về việc khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu:

1.1. Hủy Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường N - B – Vành đai ngoài trên địa bàn Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2. Hủy Quyết định 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc sửa đổi Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.3. Hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C;

1.4. Hủy Công văn số 2000/UBND-DA ngày 06/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc tổng hợp thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với căn nhà số D B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án xây dựng đường T - B – Vành đai ngoài;

1.5. Hủy Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, về hỗ trợ thêm trong dự án xây dựng tuyến đường nối T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.6. Hủy Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C.

1.7. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bồi thường phần đất 37,98m² đã thu hồi theo cách tính như 47 hộ quận G là: bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng từ năm 2008 cho đến khi

bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất,

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo (ghi ngày 05/10/2023) yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Phân tranh luận tại tòa:

- *Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn kháng cáo.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện trình bày, giữ nguyên quan điểm của người bị kiện. Đề nghị Tòa bác kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu:* Tại phiên tòa, người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người bị kiện xin xét xử vắng mặt; Căn cứ tài liệu có tại hồ sơ xét thấy việc Ủy ban nhân dân Quận T ban hành các Quyết định về thu hồi và bồi thường đất của bà C là đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận đối với khiếu nại của bà C là có căn cứ. Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H đã được Tòa án triệu tập họp lên lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, người tham gia tố tụng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Tòa cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C:

[3.1] Về nguồn gốc căn nhà, đất của bà Nguyễn Thị C:

Căn nhà do ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C là chủ sở hữu có nguồn gốc được Sư đoàn 370 cấp cho ông Q, theo Quyết định cấp sổ nhà 144/QĐ ngày 10/4/1982, theo đó ghi nhận diện tích 160m², diện tích sử dụng chính 36m², diện tích sử dụng phụ 30m² (Quyết định cấp nhà không có bản vẽ kèm theo).

Ngày 08/12/1992, Hội đồng hóa giá nhà Sư đoàn 370 lập Hợp đồng số 1003/HGN bán hóa giá căn nhà số D đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Q, bà C, với diện tích khuôn viên 134m², diện tích xây dựng 36m², diện tích sử dụng 32m² theo bản vẽ do Hội đồng hóa giá nhà Sư đoàn 370 lập ngày 18/12/1991.

Ngày 10/12/1992, Sở nhà đất cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 325/HGN công nhận diện tích khuôn viên 134m², diện tích xây dựng 36m², diện tích sử dụng 32m².

Ngày 06/8/1999, ông Q có Tờ đăng ký nhà đất gửi Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, theo đó ông Q kê khai diện tích khuôn viên là 134m².

Ngày 20/4/2005, Ủy ban nhân dân quận T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00110/26965 với diện tích đất là 134m² thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 12 (BĐĐC) Phường B, quận T cho ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C.

[3.2] Quá trình thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà Nguyễn Thị C, để thực hiện Dự án:

Thực hiện Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất tại các quận T, G, B, T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư xây dựng Dự án. Ngày 29/01/2008 Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND thu hồi 34,98m² đất thuộc một phần thửa số 35, tờ bản đồ số 12 (BĐĐC 2005) Phường B, Quận T do ông Bùi Việt Q, bà Nguyễn Thị C là chủ sử dụng tại địa chỉ trên (Phần diện tích đất thu hồi 34,98m² được xác định theo Hòa đồng hiện trạng để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ngày 03/10/2007 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T).

Căn cứ Phương án 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi phần đất diện tích 34,98m² của ông Q, bà C, với số tiền là 485.444.040 đồng (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 401/HĐBT ngày 28/9/2009 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án).

Ngày 08/02/2010, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND sửa đổi Điều 1 Quyết định 1156/QĐ-UBND ngày 05/10/2019, theo đó tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ thay đổi là 692.656.440 đồng (kèm Bảng

tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án).

Không đồng ý với Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận T, bà C khiếu nại.

Ngày 06/11/2015 Ủy ban nhân dân quận T ra Công văn số 2000/UBND-DA về việc tổng hợp thông tin về quá trình giải quyết khiếu nại, kiến nghị chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với căn nhà số D B, Phường B, quận T thuộc dự án xây dựng đường T - B – Vành đai ngoài: chi hỗ trợ bổ sung cho bà Nguyễn Thị C: $22,20\text{m}^2 \times (32.200.000 \text{ đồng/m}^2 - 9.660.000 \text{ đồng/m}^2) = 500.388.000 \text{ đồng}$.

Ngày 02/11/2016 Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND về hỗ trợ thêm trong dự án xây dựng tuyến đường nội T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn Phường B, quận T, chi hỗ trợ thêm cho bà C: 358.814.600 đồng.

Do bà C khiếu nại, ngày 04/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND giải quyết bác toàn bộ khiếu nại của bà C, giữ nguyên nội dung Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 08/02/2010.

Không đồng ý, bà C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngày 06/9/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà C, công nhận Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

[3.3] Quá trình lập Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị C:

Căn cứ vào biên bản xác định kết cấu, vị trí bán hóa giá ngày 12/01/2010 giữa các ban ngành gồm: Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, Phòng quản lý đô thị, Phòng tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân Phường B đã được Hội đồng bồi thường của dự án chấp thuận. Ngày 24/01/2010, Ủy ban nhân dân Phường B ban hành Phiếu xác nhận 83B/XN-UBND (thay thế Phiếu xác lập số 83A/XN-UBND ngày 06/6/2008).

Ngày 08/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 2418/QĐ-UBND; Quyết định 1516/QĐ-UBND ngày 05/10/2009 (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT ngày 26/01/2010).

Diện tích đất thu hồi: $34,98\text{m}^2$, gồm có:

Phần đất thuộc phạm vi lộ giới đường Bạch Đằng 2 được ghi nhận nhưng không được công nhận, có nguồn gốc do Sư đoàn C2 quản lý dự kiến mở rộng đường, ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992: $(5,50\text{m} + 5,60\text{m}) \times 0,5 \times 4,00\text{m} = 22,20\text{m}^2$.

Phần diện tích còn lại: $34,98\text{m}^2 - 22,20\text{m}^2 = 12,78\text{m}^2$, bao gồm:

Phần diện tích đất $3,78\text{m}^2$ được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005, tính bồi thường 100%.

Phần diện tích đất $12,78\text{m}^2 - 3,78\text{m}^2 = 9\text{m}^2$ không bán hóa giá và công nhận trong giấy chứng nhận năm 1992, nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2005 (theo biên bản của tổ công tác về xác định kết cấu và vị trí bán hóa giá) tính bồi thường 100%.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất: 692.656.440 đồng.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 158/KL-TTTP ngày 30/11/2011 của Thanh tra Chính phủ, trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận T, Thanh tra Thành phố và Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố xem xét lại một số kiến nghị của các hộ dân về đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện Dự án.

Ngày 19/01/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành văn bản số 43/UBND-ĐTMT-M về giải quyết một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án, trong đó, Ủy ban nhân dân Thành phố: chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố tại công văn số 07/HĐTĐBT-TTr-M ngày 06/01/2015 [tính hỗ trợ bằng bồi thường, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân quận T căn cứ Phương án bồi thường để xác định nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định (quy định về hạn mức đất ở)].

Do đây là chính sách hỗ trợ bằng bồi thường của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với phần diện tích không được giao đất, không thuộc phần diện tích khuôn viên đã mua hóa giá, không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Căn cứ Quyết định số 64/2001//QĐ-UB ngày ngày 30/7/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, tại Điều 1 hạn mức các quận nội thành (trong đó quận T): không quá $160\text{m}^2/\text{hộ}$.

Ngày 02/11/2016, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích $22,20\text{m}^2$ không được công nhận trong giấy chứng nhận do ông Q tự chiếm và sử dụng từ năm 1992 (kèm bảng tính bồi thường số 184/HĐBT ngày 27/10/2016).

Diện tích đất $22,20\text{m}^2$:

Phần diện tích $21,20\text{m}^2$ thuộc phần diện tích đất ngoài hạn mức đất ở 160m^2 . Hỗ trợ bằng bồi thường theo đất vượt hạn mức đất ở, trừ tiền sử dụng đất vào thời điểm duyệt phương án bồi thường: $32.200.000$ đồng – $7.100.000$ đồng = $25.100.000$ đồng/ m^2 .

Phần diện tích 1m^2 thuộc phần diện tích đất trong hạn mức đất ở $32.200.000$ đồng/ m^2 .

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà, đất: 358.814.600 đồng.

Phần diện tích đất bị thu hồi $34,98\text{m}^2$ đến nay được tính bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (phần diện tích nằm ngoài hạn mức giao đất ở được tính hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất ở để tính

bồi thường có trừ nghĩa vụ tài chính) với tổng số tiền theo chính sách bồi thường, hỗ trợ là:

Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 27/HĐBT ngày 26/01/2010: 358.814.600 đồng.

Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 194/HĐBT ngày 27/10/2016: 692.656.440 đồng.

Tổng cộng: 358.814.600 đồng + 692.656.440 đồng = 1.051.471.040 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ủy ban nhân dân quận T đã bồi thường, hỗ trợ diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà C để làm dự án là theo đúng quy định của Phương án 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009. Quá trình thực hiện thu hồi đất, áp giá bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân quận T đối với bà Nguyễn Thị C là đúng quy định của pháp luật; do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 22/QĐ-UBND ngày 04/10/2013, và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4452/QĐ-UBND ngày 06/9/2014, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C là có cơ sở.

[5] Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác so với cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[8] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2083/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị C được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy

Trần Văn Đạt

Lê Văn An